

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện nội dung chất vấn tại các kỳ họp HĐND tỉnh, nhiệm kỳ 2011 - 2016

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thường trực HĐND tỉnh tại Công văn số 240/CV – HĐND ngày 16/11/2015 về việc báo cáo kết quả thực hiện các nội dung đã được chất vấn tại các kỳ họp của HĐND tỉnh từ đầu nhiệm kỳ 2011 – 2016 đến nay, theo chức năng, nhiệm vụ của Sở, ngành, nhiệm vụ được HĐND, UBND tỉnh giao, Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo kết quả như sau:

I. Về việc khắc phục tình trạng một số cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, các trang trại chăn nuôi, một số khu công nghiệp, khu đô thị và nông thôn gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng ảnh hưởng đến sinh hoạt và đời sống của nhân dân.

1. 1. Thực trạng môi trường

1.1.1. Thực trạng môi trường tại Khu kinh tế (KKT), các Khu công nghiệp (KCN) và Cụm công nghiệp (CCN), làng nghề.

- **Môi trường KKT và các KCN:** Tỉnh Thanh Hoá có Khu Kinh tế Nghi Sơn và 08 KCN nằm trong quy hoạch đến năm 2020 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và đồng ý bổ sung tại Công văn số 2269/TTg-KTN ngày 13/11/2014, bao gồm: KCN Lễ Môn, KCN Đình Hương - Tây Bắc Ga, KCN Bim Sơn, KCN Lam Sơn - Sao Vàng, KCN Hoàng Long, KCN Thạch Quảng, KCN Ngọc Lặc và KCN Bãi Trành. Hiện nay, chỉ có KCN Lễ Môn có hệ thống xử lý nước thải tập trung, KCN Tây Bắc Ga đã xây dựng xong hệ thống xử lý nước thải nhưng không vận hành. KKT Nghi Sơn và các KCN khác đều đang trong giai đoạn đầu tư kết cấu hạ tầng. Các cơ sở, doanh nghiệp đang hoạt động trong KKT và các KCN đã có hệ thống xử lý nước thải cục bộ; tuy nhiên, chất lượng nước thải ra môi trường tại nhiều cơ sở còn một số chỉ tiêu như (TSS, COD, BOD, Coliform) vượt tiêu chuẩn cho phép từ 1-5 lần.

Kết quả quan trắc chất lượng môi trường tại khu dân cư gần một số KCN, cho thấy: Nồng độ bụi lơ lửng vượt từ 1,0-1,88 lần; tiếng ồn vượt 4 - 5dBA; chất lượng nước ngầm tại KCN Lễ Môn có độ cứng vượt khoảng 2,2-2,5 lần, chất rắn tổng số vượt 1,66-1,72 lần, COD vượt 1,7 lần; tại KCN Tây Bắc Ga: COD vượt khoảng 1,3 lần, Mangan vượt 1,25-1,9 lần, Sắt vượt 1,2 lần, Amoni vượt 1,2 lần;

Nguyên nhân:

- + Hạ tầng kỹ thuật về môi trường tại các KKT và KCN chưa được đầu tư;
- + Ý thức chấp hành Luật BVMT của các cơ sở, doanh nghiệp chưa nghiêm, vì chạy theo lợi nhuận mà chưa chú ý đến công tác xử lý chất thải;
- + Công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật BVMT có lúc, có nơi chưa cương quyết, chưa quyết liệt, chưa đôn đốc kịp thời các chủ đầu tư khắc phục các vi phạm;
- + Công tác phối hợp trong quản lý nhà nước về BVMT giữa Sở Tài nguyên và Môi trường và sở, ban, ngành chưa chặt chẽ.

- *Môi trường Cụm công nghiệp:* Hiện nay, toàn tỉnh hiện có 57 Cụm công nghiệp; trong đó, vùng đồng bằng 27 cụm, vùng ven biển 13 cụm, miền núi 17 cụm. Có 10 CCN đã cơ bản hoàn thành đầu tư kết cấu hạ tầng; 26 CCN đang trong giai đoạn xây dựng kết cấu hạ tầng; 21 CCN chưa đầu tư hạ tầng. Hiện tại, có 34 CCN và đã có 250 doanh nghiệp đi vào hoạt động (tỷ lệ lấp đầy bình quân đạt 42,15 %); thu hút 18.755 lao động làm việc tại các CCN. Các loại hình sản xuất, kinh doanh trong CCN chủ yếu là khai thác, chế biến đá, sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến nông, lâm, thủy sản, dệt may, chế biến các sản phẩm thủ công mỹ nghệ.

Qua kết quả quan trắc môi trường tại các CCN và khu vực xung quanh cho thấy: nồng độ bụi tại CCN xã Yên Lâm, huyện Yên Định vượt tiêu chuẩn 1,28 lần; CCN Vực, xã Đông Vinh, TP Thanh Hóa vượt 1,2 lần; Chất lượng nước thải từ các cơ sở trước khi thải ra môi trường và chất lượng nước mặt trong khu vực có nhiều chỉ tiêu (SS, COD, BOD, Amoni) vượt tiêu chuẩn cho phép từ 1,2 đến 3,2 lần.

Nguyên nhân:

+ Hầu hết các CCN chưa được đầu tư xây dựng công trình xử lý nước thải và khu xử lý chất thải rắn tập trung; có khoảng 20% số cơ sở, doanh nghiệp đầu tư hệ thống xử lý chất thải; một số cơ sở, doanh nghiệp đầu tư nhưng không đồng bộ, không đúng tiêu chuẩn, không vận hành thường xuyên nên khí thải, nước thải chưa được thu gom, xử lý triệt để hoặc thải trực tiếp ra môi trường.

+ Ý thức chấp hành Luật BVMT của các cơ sở, doanh nghiệp hoạt động trong CCN chưa nghiêm;

+ Công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về BVMT chưa được thực hiện thường xuyên, đồng bộ ở cả các cấp (tỉnh, huyện, xã);

+ Chế tài xử lý vi phạm hành chính chưa đủ sức răn đe, dẫn đến nhiều cơ sở, doanh nghiệp không thực hiện đầy đủ công trình xử lý chất thải;

+ Chất lượng các bản cam kết BVMT, kế hoạch BVMT do UBND cấp huyện xác nhận còn thấp, nội dung sơ sài, chưa đánh giá đầy đủ các tác động môi trường, chưa đề xuất biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường phù hợp, chưa đáp ứng được yêu cầu của công tác phòng ngừa ô nhiễm và BVMT dẫn đến khó xử lý các vi phạm theo quy định;

- *Môi trường làng nghề*: Trên địa bàn tỉnh có 127 làng nghề hoạt động sản xuất kinh doanh tập trung, thu hút 31.800 lao động với 704 doanh nghiệp và 28 Hợp tác xã tham gia. Loại hình hoạt động tại các làng nghề chủ yếu là: Chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản 13 làng; sản xuất đồ mộc, thủ công mỹ nghệ 07 làng; mây tre đan 18 làng; gốm sứ 01 làng; thêu den 11 làng; dệt chiếu cói 42 làng; cơ khí nhỏ 04 làng; xử lý chế biến nguyên vật liệu phục vụ sản xuất ngành nghề nông thôn 11 làng; sản xuất vật liệu xây dựng 07 làng; gây trồng sinh vật cảnh 13 làng.

Kết quả phân tích chất lượng môi trường không khí xung quanh tại một số làng nghề có nhiều chỉ tiêu vượt tiêu chuẩn như: Bụi vượt từ 1,2 - 1,82 lần; khí NH₃ vượt từ 1,1 - 1,2 lần; khí SO₂, Formandehyt vượt từ 1,2 - 2 lần; chất lượng môi trường nước thải, nước mặt và nước ngầm khu vực xung quanh của các làng nghề (còn nhiều chỉ tiêu: TSS, COD, BOD₅, NH₄⁺, Coliform vượt tiêu chuẩn cho phép từ 1,2 - 6,6 lần).

Nguyên nhân:

+ Các làng nghề chủ yếu có quy mô sản xuất nhỏ, thủ công; phương thức quản lý manh mún, tự phát, không có các công trình xử lý môi trường tập trung.

+ Hệ thống văn bản dưới luật về BVMT làng nghề ban hành chậm, còn thiếu các quy định phù hợp với quản lý môi trường đặc thù của các làng nghề.

+ Chính quyền địa phương chưa chủ động thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm về môi trường đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động trong làng nghề.

+ Công tác giáo dục, tuyên truyền, phổ biến pháp luật BVMT đến nhân dân chưa thường xuyên.

1.1.2. Thực trạng môi trường tại các khu đô thị:

Trên địa bàn tỉnh hiện có 33 đô thị bao gồm: 01 đô thị loại I (TP Thanh Hóa), 01 đô thị loại III (TX Sầm Sơn), 01 đô thị loại IV (TX Bỉm Sơn) và 30 thị trấn (thị trấn huyện lỵ và thị trấn công nghiệp, dịch vụ).

Tỷ lệ thu gom chất thải rắn đô thị đạt 83,12%, còn khoảng 16,88% không được thu gom thải ra môi trường. Tuy nhiên, công nghệ xử lý rác thải được thu gom còn lạc hậu, chủ yếu là chôn lấp. Bên cạnh đó, công tác quản lý, vận hành các bãi chôn lấp rác thải do UBND cấp huyện quản lý chưa được quan tâm đúng mức gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. Ngoài rác thải, nước thải, môi trường đô thị còn bị ảnh hưởng bởi các hộ gia đình sản xuất, kinh doanh xen kẽ trong khu dân cư gây ra như: hoạt động giết mổ gia súc, gia cầm; sản xuất, gia công cơ khí, chợ....

Kết quả quan trắc hằng năm cho thấy, tại các nút giao thông trọng điểm trong tỉnh: Nồng độ bụi vượt QCVN từ 1,0 đến 4,0 lần; một số loại khí độc như NO_x, SO₂ có dấu hiệu gia tăng trong những năm gần đây; tiếng ồn (từ 6 - 21h)

vượt QCVN từ 3 đến 17 dBA; chất lượng nước mặt tại một số sông trong nội thị đang có dấu hiệu bị ô nhiễm do hệ thống tiêu, thoát nước đã xuống cấp, nước thải sinh hoạt chưa xử lý thải trực tiếp vào nguồn nước.

Nguyên nhân:

- Hầu hết các đô thị đều chưa có công trình xử lý nước thải tập trung. Năm 2014, TX Sầm Sơn được đầu tư cải tạo, nâng cấp hệ thống xử lý nước thải cho khu vực trung tâm, công suất xử lý 4.000m³/ng.đ; TP Thanh Hóa được đầu tư xây dựng Trạm xử lý nước thải sinh hoạt tại xã Quảng Thịnh (vốn vay ADB), công suất xử lý 15.000 m³/ng.đ, hiện nay cũng chưa đi vào vận hành; TX Bỉm Sơn, năm 2015, triển khai xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt có công suất xử lý 3.500m³/ng.đ (vốn do ngân hàng WB tài trợ).

- Công trình thu gom nước thải tại các đô thị chưa được đầu tư, những đô thị có đầu tư nhưng chưa đồng bộ, trong khi số lượng dân cư thành thị đang ngày càng gia tăng;

- Công nghệ xử lý rác thải đô thị còn lạc hậu, chủ yếu là chôn lấp; quy hoạch, thiết kế, công tác vận hành các bãi chôn lấp rác thải đã được đầu tư không đúng quy trình, quy định;

- Số lượng các phương tiện tham gia giao thông ngày càng tăng trong khi công trình hạ tầng giao thông không đáp ứng kịp nhu cầu phát triển.

1.1.3. Thực trạng môi trường tại các khu vực nông thôn:

Hiện nay, dân số tỉnh ta đang sinh sống ở khu vực nông thôn chiếm khoảng 88,5%, lượng chất thải rắn sinh hoạt khu vực nông thôn khoảng 1.200-1.500 tấn/ngày. Công tác thu gom chất thải rắn ở khu vực nông thôn còn hạn chế, tỉ lệ thu gom chỉ đạt 65 – 70%, các bãi rác chủ yếu là bãi chứa rác tạm, rác thải hầu hết chỉ được đổ đống và đốt mà chưa được san gạt, đầm nén, lấp phủ đất; không có hệ thống thu gom, xử lý nước rỉ rác, không sử dụng các chế phẩm vi sinh để hạn chế mùi, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

Toàn tỉnh hiện còn 41 điểm tồn lưu hóa chất BVTV; trong đó, có 04 điểm nằm trong khuôn viên các trường học (*Trường THCS xã Vĩnh Tiến, huyện Vĩnh Lộc, Trường mầm non xã Nguyên Bình, huyện Tĩnh Gia, Trường THCS xã Thiệu Viên, Thiệu Nguyên, huyện Thiệu Hóa*) chưa được xử lý, tiềm ẩn nguy cơ ô nhiễm đất, nước mặt, nước ngầm và sức khỏe của các thầy cô giáo.

Qua kết quả quan trắc cho thấy, chất lượng nước nước (sông Mã, sông Chu, sông Yên, sông Cầu Chày, sông Bưởi, sông Hoạt, sông Thị Long, sông Nhơm, sông Hoàng, sông Yên, sông Lèn) không đảm bảo mục đích cung cấp nước sinh hoạt và bị ô nhiễm bởi các chỉ tiêu BOD₅, COD, TSS, NH₄⁺.

Ngoài ra, khu vực miền núi, đất canh tác có dấu hiệu bị suy thoái do sạt lở, rửa trôi, xói mòn ở các khu vực có địa hình dốc và chia cắt mạnh; khu vực cửa sông, ven biển có hiện tượng đất bị mặn hóa, phèn hóa, xâm nhập mặn, đặc biệt là các

lưu vực sông Mã, Sông Yên (thuộc các vùng ven biển huyện Hậu Lộc, Nga Sơn). Nước biển ven bờ tại các khu nuôi trồng hải sản, khu neo đậu tránh trú bão, hàm lượng dầu mỡ khoáng và chất rắn lơ lửng đo được có xu hướng cao hơn so với các vị trí khác; hàm lượng COD vượt quy chuẩn cho phép vượt từ 1,33 - 29,3 lần.

Nguyên nhân:

- Ở khu vực nông thôn, tình trạng sử dụng hoá chất BVTV không đúng chủng loại, không đúng kỹ thuật, không rõ nguồn gốc vẫn đang diễn ra.

- Nhận thức của bà con nhân dân trong hoạt động canh tác nông nghiệp còn thấp; sử dụng bón phân, thuốc BVTV còn tùy tiện; bao bì, chai lọ thuốc BVTV sau khi sử dụng vứt bừa bãi ra cánh đồng;

- Nhận thức của các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể và người dân về BVMT chưa đầy đủ, chưa chuyển thành ý thức và hành động cụ thể;

- Tỷ lệ dân cư nông thôn được cấp nước sạch và điều kiện vệ sinh môi trường ở một số vùng còn hạn chế;

- Trong công tác thanh tra, kiểm tra chưa cương quyết đình chỉ hoặc buộc di dời các cơ sở sản xuất, kinh doanh gây ô nhiễm môi trường hoạt động xen kẽ trong khu dân cư vào các CCN, làng nghề.

1.14. Thực trạng môi trường tại các trang trại, gia trại

Theo thống kê của Sở, đến nay toàn tỉnh có 771 trang trại và 6.470 gia trại chăn nuôi (gia súc, gia cầm), trong đó, có 679/771 trang trại (chiếm 88%) và 1.652/6.470 gia trại (chiếm 25,5%) có công trình xử lý chất thải; có 442/771 trang trại (chiếm 57,3%) và 93/6.470 gia trại (chiếm 1,4%) có hồ sơ thủ tục về môi trường. Chất thải chăn nuôi chủ yếu là phân thải và nước thải, khối lượng phát sinh hằng ngày tương đối lớn. Phân thải được bà con thu gom làm phân bón ruộng, nuôi cá và xử lý trong hầm biogas thu khí sinh học đun nấu. Tuy nhiên, nhiều trang trại, gia trại chưa thực hiện đầy đủ các biện pháp thu gom, xử lý chất thải mà xả nước thải, phân thải trực tiếp xuống ao, hồ, sông suối, đồng ruộng và hệ thống tiêu thoát nước của địa phương gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. Thời gian qua, Sở Tài nguyên và Môi trường đã kiểm tra, xử lý nhiều trang trại gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, như: Trang trại chăn nuôi lợn Yên Tâm, trang trại chăn nuôi xã Định Long, huyện Yên Định; trang trại chăn nuôi lợn xã Thành Tâm, huyện Thạch Thành; trang trại chăn nuôi lợn xã Hoảng Vinh, huyện Hoảng Hóa; trang trại chăn nuôi xã Đông Hòa, huyện Đông Sơn.

Nguyên nhân:

- Chưa có quy hoạch vùng chăn nuôi tập trung phù hợp với điều kiện phát triển của từng địa phương; vẫn còn tồn tại nhiều gia trại, cơ sở giết mổ nhỏ lẻ, xen lẫn khu dân cư;

- Ý thức về công tác BVMT của các chủ trang trại còn quá kém, chưa chú trọng đến công tác xử lý phân và nước thải của gia súc, gia cầm;

- Trách nhiệm của chính quyền địa phương chưa cao trong việc kiểm tra, giám sát hoạt động của các trang trại đang hoạt động trên địa bàn;

- Công tác giáo dục, tuyên truyền, phổ biến pháp luật về BVMT đến người dân chưa sâu rộng, chưa đáp ứng kịp thời.

1.2. Trách nhiệm của các cấp, các ngành

1.2.1. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Trong những năm qua, Sở Tài nguyên và Môi trường đã tham mưu cho UBND tỉnh ban hành nhiều văn bản chỉ đạo và hướng dẫn các sở, ban, ngành, đoàn thể, các doanh nghiệp, các địa phương triển khai, thực hiện Luật BVMT;

- Tổ chức các lớp tập huấn về BVMT cho cán bộ chuyên môn của Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện, cán bộ địa chính, Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn; phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng mở các chuyên trang, chuyên mục tuyên truyền, phổ biến kiến thức và pháp luật về BVMT. Chủ động thực hiện nhiệm vụ quan trắc môi trường, làm cơ sở tham mưu cho UBND tỉnh chỉ đạo quy hoạch phát triển kinh tế, xã hội;

- Từ năm 2011 đến nay, đã tiến hành kiểm tra 850 đơn vị, xử phạt và kiến nghị UBND tỉnh xử phạt vi phạm hành chính về BVMT đối với 164 đơn vị với tổng số tiền 3.772 triệu đồng. Đồng thời, đã tham mưu cho UBND tỉnh ban hành quyết định tạm đình chỉ hoạt động đối với 09 đơn vị.

- Tập trung xử lý 12/45 điểm tồn lưu hóa chất BVTV trên địa bàn tỉnh và đã bàn giao đất sạch cho địa phương quản lý, số còn lại đang triển khai thực hiện;

- Xử lý xong một số điểm nóng về môi trường như: Công ty cổ phần Nicotex Thanh Thái (xã Cẩm Vân, huyện Cẩm Thủy), Trang trại chăn nuôi lợn Yên Tâm (xã Yên Tâm, huyện Yên Định), Nhà máy Giấy Mực Sơn (TT Lam Sơn, huyện Thọ Xuân), các trang trại chăn nuôi lợn (xã Thành Tâm, huyện Thạch Thành; xã Định Long, huyện Yên Định; Đông Hòa, huyện Đông Sơn); các bãi rác (Cồn Quán, phường Phú Sơn, TP Thanh Hóa; xã Minh Sơn, huyện Triệu Sơn, xã Thanh Sơn, huyện Tĩnh Gia) và một số cơ sở sản xuất bột giấy trên địa bàn huyện Quan Hóa, Lang Chánh.

Tuy nhiên, vẫn còn một số hạn chế như: Công tác giáo dục, tuyên truyền, phổ biến pháp luật chưa sâu rộng, chưa phát huy được hết vai trò của đoàn thể, các tổ chức chính trị - xã hội cũng như các phong trào quần chúng tham gia công tác BVMT; công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo về môi trường có lúc, có nơi xử lý vi phạm chưa quyết liệt, chưa đôn đốc kịp thời các chủ đầu tư đẩy nhanh tiến độ thực hiện các giải pháp xử lý môi trường đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

1.3.2. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành, chính quyền địa phương (theo quy định của Luật BVMT năm 2014)

- Sở Xây dựng được giao nhiệm vụ BVMT trong hoạt động xây dựng kết cấu hạ tầng về cấp nước, thoát nước, xử lý chất thải rắn và nước thải tại đô thị,

khu sản xuất dịch vụ tập trung, cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng, làng nghề và khu dân cư nông thôn tập trung. Tuy nhiên, kết cấu hạ tầng BVMT, xử lý chất thải rắn và nước thải khu vực đô thị còn nhiều hạn chế.

- Sở Công Thương được giao nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với các CCN trên địa bàn tỉnh. Hiện nay việc đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng về BVMT tại các CCN chưa được quan tâm đầu tư đúng mức.

- Sở Y tế được giao nhiệm vụ quản lý trong hoạt động y tế, an toàn vệ sinh thực phẩm, hoạt động mai táng, hỏa táng; tổ chức việc thống kê nguồn thải, đánh giá mức độ ô nhiễm, xử lý chất thải của bệnh viện, cơ sở y tế. Thời gian qua đã được UBND tỉnh giao làm chủ đầu tư các lò đốt và hệ thống xử lý nước thải cho các bệnh viện. Tuy nhiên, hiện nay một số lò đốt rác thải y tế có dấu hiệu xuống cấp; một số hệ thống xử lý nước thải hoạt động không hiệu quả (do công nghệ chưa phù hợp, hệ thống thu gom nước thải chưa hoàn chỉnh).

- Sở Nông nghiệp và PTNT được giao nhiệm vụ quản lý trong hoạt động sản xuất, nhập khẩu, sử dụng hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, phân bón, chất thải trong nông nghiệp. Tuy nhiên, tình trạng ô nhiễm môi trường do chăn nuôi gia súc, gia cầm, sử dụng phân bón, hóa chất BVTV quá liều lượng trong canh tác nông nghiệp vẫn chưa giải quyết triệt để.

- Ban Quản lý Khu Kinh tế Nghi Sơn được giao nhiệm vụ quản lý nhà nước tại KKT Nghi Sơn và các KCN trên địa bàn tỉnh, song công tác kiểm tra việc chấp hành luật BVMT của các doanh nghiệp còn hạn chế.

- Công an tỉnh được giao nhiệm vụ phòng chống tội phạm về môi trường, nhưng các điểm nóng về môi trường vẫn xảy ra.

- UBND cấp huyện chưa ban hành theo thẩm quyền các chương trình, kế hoạch BVMT trên địa bàn; chưa tổ chức đánh giá và lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường tại địa phương; chưa làm tốt nhiệm vụ kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật về BVMT trên địa bàn theo quy định tại điểm e, khoản 2 Điều 143 Luật BVMT năm 2014.

- UBND cấp xã chưa xây dựng kế hoạch, thực hiện nhiệm vụ BVMT trên địa bàn, chưa phát hiện và xử lý theo thẩm quyền các vi phạm pháp luật về BVMT hoặc báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về BVMT cấp trên. Có nhiệm vụ kiểm tra việc chấp hành pháp luật về BVMT của hộ gia đình, cá nhân theo khoản 3, Điều 143 Luật BVMT năm 2014 nhưng cũng chưa làm hết trách nhiệm.

1.3. Các giải pháp thực hiện trong thời gian tới

- Tiếp tục triển khai Luật BVMT năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành, coi đây là công tác trọng tâm, cơ bản nhằm nhanh chóng đưa các nội dung của Luật BVMT vào cuộc sống; phát động phong trào toàn dân tham gia BVMT, nâng cao tính tích cực của tổ chức, cá nhân trong hoạt động BVMT bằng nhiều hình thức.

- Quản lý chặt chẽ ngay từ khi xây dựng, phê duyệt quy hoạch, kế hoạch, dự án đầu tư của các ngành, các cấp, các doanh nghiệp. Kiên quyết không đưa vào xây dựng, vận hành, khai thác các cơ sở chưa đáp ứng các yêu cầu về BVMT, đặc biệt, những dự án có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, các dự án nằm ở đầu nguồn các hệ thống sông Mã, sông Chu, sông Yên.

- Xử lý dứt điểm các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; thực hiện kế hoạch di chuyển các cơ sở sản xuất không phù hợp quy hoạch và gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng ra khỏi khu dân cư, khu đô thị và có nguồn thải ra thượng nguồn sông Mã, sông Chu vào CCN tại các địa phương.

- Triển khai các dự án xử lý chất thải rắn, nước thải sinh hoạt tại các đô thị, các khu dân cư tập trung; đầu tư hoàn chỉnh hệ thống thu gom, xử lý nước thải tại các KCN, CCN, làng nghề, yêu cầu các cơ sở sản xuất trong KCN, CCN, làng nghề phải đấu nối nước thải vào hệ thống xử lý tập trung, không thải trực tiếp ra môi trường.

- Tăng cường phối hợp trong công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm soát ô nhiễm môi trường tại các KCN, CCN, làng nghề; các cơ sở sản xuất, kiên quyết xử lý hoặc kiến nghị xử lý theo thẩm quyền những cơ sở sản xuất, kinh doanh không tuân thủ pháp luật BVMT, có hành vi gây ô nhiễm môi trường bằng các biện pháp kinh tế, hành chính; triển khai có hiệu quả Quy chế phối hợp trong công tác BVMT trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 3927/QĐ-UBND ngày 13/11/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh.

- Tăng cường kêu gọi, thu hút vốn đầu tư vào lĩnh vực môi trường; tạo chính sách, cơ chế phù hợp để khuyến khích các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh tham gia vào đầu tư, xây dựng các dự án, công trình xử lý chất thải, xử lý ô nhiễm và BVMT.

1.4. Đề xuất, kiến nghị

1.4.1. Đề nghị Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh

- Đề nghị Tỉnh ủy sớm ban hành Chỉ thị tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác BVMT trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016 - 2020.

- Đề nghị HĐND tỉnh tăng cường giám sát công tác quản lý nhà nước về BVMT trên địa bàn tỉnh.

1.4.2. Đề nghị UBND tỉnh

- Chỉ đạo lập Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; điều chỉnh, bổ sung, quy hoạch BVMT tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020 định hướng đến năm 2030; lập Đề án tổng thể Bảo vệ môi trường làng nghề đến năm 2025; lập Đề án xử lý ô nhiễm môi trường hệ thống các sông lớn trên địa bàn tỉnh đến năm 2025.

- Ưu tiên đầu tư cho các dự án BVMT; có cơ chế, chính sách hỗ trợ các cơ sở sản xuất, kinh doanh đầu tư xây dựng các công trình xử lý môi trường; các dự án có áp dụng công nghệ sạch và đầu tư xây dựng hệ thống xử lý chất thải.

- Hỗ trợ kinh phí xây dựng các công trình hạ tầng về môi trường và kinh phí thực hiện các đề án, dự án về BVMT tại các KCN, CCN, làng nghề; yêu cầu các Chủ đầu tư đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các dự án về kết cấu hạ tầng KKT và KCN; nhanh chóng xây dựng và đưa hệ thống xử lý nước thải tập trung các KCN đi vào hoạt động nhằm giảm thiểu tình trạng ô nhiễm môi trường.

- Tăng cường năng lực tổ chức bộ máy ngành Tài nguyên và Môi trường, bảo đảm thực hiện có hiệu quả công tác quản lý nhà nước về BVMT.

1.4.3. Đề nghị các Sở, ban ngành: Theo chức năng, nhiệm vụ chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thực hiện quản lý nhà nước về BVMT theo lĩnh vực phụ trách; chủ động thực hiện nhiệm vụ BVMT theo quy định tại Điều 142 Luật BVMT.

1.4.4. Đề nghị UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Bố trí đủ số lượng và chất lượng cán bộ có chuyên môn về môi trường cho Phòng TN&MT cấp huyện (mỗi huyện phải có ít nhất 02 cán bộ có chuyên môn về môi trường);

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra và xử lý nghiêm các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường; thực hiện lồng ghép nhiệm vụ BVMT trong Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2020;

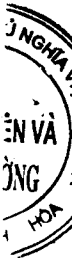
- Khẩn trương triển khai thực hiện các dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng CCN theo quy hoạch đã được phê duyệt, sớm đầu tư hoàn chỉnh hệ thống thu gom, xử lý nước thải, xử lý chất thải rắn của CCN;

- Thực hiện kế hoạch di chuyển các cơ sở công nghiệp không phù hợp quy hoạch và gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng ra khỏi đô thị, khu dân cư; tiến hành di dời các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm trên thượng nguồn sông Mã, sông Chu vào CCN tập trung.

II. Về việc xử lý tình trạng một số nhà đầu tư trúng đấu giá đất tại một số mặt bằng quy hoạch, đã thu tiền của người mua đất thông qua hình thức góp vốn nhưng đến nay các nhà đầu tư này chưa nộp đủ tiền vào ngân sách nhà nước nên chưa đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (giấy CNQSD đất) cho cả dự án; dẫn đến một số người có nhu cầu xây dựng nhà ở nhưng không có đầy đủ hồ sơ, thủ tục để được cấp giấy phép xây dựng.

1. Việc thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất và trách nhiệm của các ngành được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 359/2012/QĐ-UBND ngày 03/02/2012 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy chế đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền hoặc cho thuê đất trên địa bàn của tỉnh; theo đó, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

“a) Chủ trì, phối hợp với các Sở: Tài chính, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tư pháp, Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh, hướng dẫn và đôn đốc các



huyện, thị xã, thành phố xây dựng kế hoạch sử dụng đất, tổng hợp và lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chung cả tỉnh trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất hàng năm theo quy định.

b) Kiểm tra, hướng dẫn việc xác định loại đất, diện tích đất sử dụng, các loại giấy tờ liên quan đến quyền sử dụng đất để đấu giá.

c) Theo thẩm quyền được phân cấp có trách nhiệm bàn giao đất trên thực địa, lập hồ sơ đất, cấp hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người trúng đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

d) Phối hợp với các ngành liên quan, kiểm tra, giám sát việc thực hiện dự án của tổ chức, cá nhân trúng đấu giá đảm bảo đúng mục đích, đúng quy hoạch, đúng tiến độ được phê duyệt.”

Theo chức năng, nhiệm vụ của Sở, ngành và trách nhiệm được UBND tỉnh giao trong việc tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất, thời gian qua Sở Tài nguyên và Môi trường đã thường xuyên hướng dẫn và đôn đốc các huyện, thị xã, thành phố xây dựng kế hoạch sử dụng đất, tổng hợp lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất hàng năm; Phối hợp với các Sở, ngành, UBND cấp huyện kiểm tra, hướng dẫn việc xác định loại đất, diện tích đất sử dụng, các loại giấy tờ liên quan đến quyền sử dụng đất để đấu giá.

Theo thẩm quyền được phân cấp, Sở đã thực hiện việc bàn giao đất trên thực địa, lập hồ sơ đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người trúng đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Tính đến ngày 18/11/2015, Sở Tài nguyên và Môi trường đã cấp Giấy CNQSD đất được 58,9 ha tại 44 mặt bằng trên địa bàn toàn tỉnh (có danh sách kèm theo) làm cơ sở để xác nhận, cấp giấy cho các hộ dân.

Thực hiện Luật Đất đai năm 2013 và các quy định của pháp luật liên quan đến đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất, Sở Tài nguyên và Môi trường đã chủ trì, phối hợp Sở Tài chính, Sở Tư pháp, các Sở, ngành có liên quan xây dựng Dự thảo quy chế đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh (thay thế Quy chế đấu giá quyền sử dụng đất ban hành kèm theo Quyết định số 359/2012/QĐ-UBND ngày 03/02/2012 của UBND tỉnh); ngày 15/10/2015 Sở Tài nguyên và Môi trường đã có Tờ trình số 1267/TTr-STNMT báo cáo UBND tỉnh xem xét ban hành Quy chế đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn tỉnh.

2. Những vướng mắc hiện nay trong công tác đấu giá quyền sử dụng đất:

Qua quá trình theo dõi, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường nhận thấy còn một số khó khăn, vướng mắc như sau:

- Trong quá trình đấu giá quyền sử dụng đất, một số nhà đầu tư sau khi trúng đấu giá quyền sử dụng đất không thực hiện dự án đầu tư xây nhà ở, không nộp tiền sử dụng đất vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật nên không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho dự án; có một số nhà đầu tư đã thu tiền của các hộ gia đình, cá nhân dưới hình thức liên doanh góp vốn bằng tiền sử dụng đất, nhưng không nộp tiền vào ngân sách nhà nước. Vì vậy, các hộ gia đình, cá nhân nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất không được cấp Giấy chứng nhận QSD đất để xây dựng nhà ở.

- Một số nhà đầu tư trúng đấu giá đất quyền sử dụng đất đã nộp tiền vào ngân sách nhà nước, đã được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo dự án. Nhà đầu tư cũng đã ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho người dân. Tuy nhiên, nhà đầu tư không nộp hồ sơ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền (UBND cấp huyện) để được cấp Giấy chứng nhận QSD đất cho người dân mà mang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thế chấp ngân hàng để vay vốn.

Theo Báo cáo của UBND TP Thanh Hóa, tính đến ngày 30/6/2015, có tổng số 21 nhà đầu tư trúng đấu giá tại 18 mặt bằng, tổng diện tích 25,7 ha do UBND TP Thanh Hóa đấu giá, trong đó số tiền sử dụng đất còn nợ ngân sách là 255 tỷ 135 triệu đồng; có 06 nhà đầu tư trúng đấu giá tại 06 mặt bằng do Trung tâm Phát triển quỹ đất TP Thanh Hóa đấu giá với số tiền sử dụng đất còn nợ ngân sách là 127 tỷ 682 triệu đồng; có 07 nhà đầu tư trúng đấu giá tại 07 mặt bằng do UBND tỉnh đấu giá (theo dự án) với số tiền sử dụng đất còn nợ ngân sách là 209 tỷ 266 triệu đồng. Như vậy, tính đến ngày 30/6/2015, có 34 nhà đầu tư trúng đấu giá đất ở tại 31 mặt bằng còn nợ ngân sách nhà nước là 592 tỷ 83 triệu đồng.

- Về đầu tư hạ tầng: Hầu hết các dự án đấu giá quyền sử dụng đất, nhà đầu tư nợ tiền sử dụng đất, việc đầu tư hạ tầng thiết yếu là chưa có hoặc đầu tư chưa đồng bộ. Nhiều hộ dân đã nộp tiền sử dụng đất cho chủ đầu tư nhưng chưa được cấp GCNQSD đất nên chưa được cấp phép xây dựng nhà. Một số hộ dân khi được nhà đầu tư bàn giao đất do bức xúc về nhà ở nên tự ý xây dựng khi chưa được cấp phép nên đã bị cơ quan có thẩm quyền tại địa phương yêu cầu dừng thi công, gây bất bình trong nhân dân.

3. Đề xuất, kiến nghị:

Đề nghị UBND tỉnh:

- Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các ngành có liên quan (Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tư pháp, Cục Thuế, UBND cấp huyện nơi có đất) tiến hành thanh tra, kiểm tra việc thực hiện dự án của tổ chức, cá nhân trúng đấu giá, báo cáo UBND tỉnh xem xét, xử lý cụ thể những đơn vị để xảy ra vi phạm.

- Chỉ đạo cơ quan bảo vệ pháp luật vào cuộc để xử lý nghiêm các nhà đầu tư trúng đấu giá không nộp tiền vào ngân sách nhà nước, không làm thủ tục cấp GCNQSD đất cho các hộ dân đã mua đất, cố tình vi phạm pháp luật.

ST NAM T

- Giao UBND các huyện, thị xã, thành phố:

+ Tiến hành kiểm tra, rà soát lại toàn bộ các khu đất đã đấu giá trên địa bàn quản lý, đôn đốc các nhà đầu tư trúng đấu giá nộp đủ tiền sử dụng đất.

+ Chỉ đạo các tổ chức trúng đấu giá thực hiện nghiêm túc việc đầu tư hạ tầng theo dự án được duyệt và hợp đồng kinh tế đã ký với nhà đầu tư trúng đấu giá; yêu cầu nhà đầu tư lập thủ tục để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ đã mua đất.

+ Xem xét cụ thể từng trường hợp các hộ dân đã nộp tiền cho nhà đầu tư, có biện pháp bắt buộc nhà đầu tư phải hoàn thiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ, để các hộ được làm nhà ở ổn định cuộc sống.

+ Theo thẩm quyền quy định, UBND các huyện, thị xã, thành phố xử phạt nghiêm minh các nhà đầu tư vi phạm hợp đồng (xử phạt chậm về tiến độ nộp tiền và chậm thực hiện dự án phát triển nhà ở) theo quy định của pháp luật. Hủy bỏ những hợp đồng vi phạm pháp luật, vi phạm các điều khoản của hợp đồng mà nhà đầu tư cố tình chây ỳ, không nộp tiền sử dụng đất; thực hiện cưỡng chế thu tiền sử dụng đất của các nhà đầu tư hoặc lập hồ sơ báo cáo cấp có thẩm quyền thu lại diện tích tương ứng với số tiền nhà đầu tư cố tình không nộp.

+ Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng các nhà đầu tư vi phạm pháp luật nêu trên, không cho tham gia các dự án đấu giá, giao đất có thu tiền liên quan đến bất động sản, các dự án đầu tư bằng nguồn vốn nhà nước trên địa bàn toàn tỉnh.

+ Đẩy mạnh việc tuyên truyền chính sách pháp luật để người dân nắm được các quyền và lợi ích khi tham gia thị trường bất động sản, nhằm tránh hoặc hạn chế thiệt hại xảy ra khi tham gia giao dịch bất động sản, đặc biệt là việc mua đất dưới hình thức góp vốn vào liên doanh với nhà đầu tư.

Sở Tài nguyên báo cáo HĐND tỉnh kết quả thực hiện các nội dung đã được chất vấn tại các kỳ họp của HĐND tỉnh theo ý kiến chỉ đạo của Thường trực HĐND tỉnh tại Công văn số 240/CV – HĐND ngày 16/11/2015. / .*ngoc*

Nơi nhận:

- T.Trực HĐND tỉnh (để báo cáo);

- Lưu: VT, VP.

KT. GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC



Lưu Trọng Quang